

Số: /QĐ-VPĐP

Đắk Lắk, ngày tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai tài sản công năm 2023**

**CHÁNH VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI NÔNG THÔN MỚI TỈNH**

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị quyết 04/2018/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk, ban hành Quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk;*

*Căn cứ Quyết định số 1808/QĐ-UBND, ngày 11/8/2022 của UBND tỉnh về việc kiện toàn Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk;*

*Xét đề nghị của Trưởng phòng Hành chính - Nghiệp vụ.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai tài sản công năm 2023 của Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk (theo các biểu đính kèm).

1. Thời hạn công khai: 30 ngày.
2. Hình thức công khai: Công bố tại cuộc họp của cơ quan.

**Điều 2.** Thủ trưởng đơn vị; Trưởng các phòng: Kế hoạch - Tổng hợp, Hành chính - Nghiệp vụ, Tổ OCOP và các công chức, viên chức, người lao động của đơn vị tổ chức thực hiện Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 2;
- Sở NN và PTNT (B/cáo);
- Lãnh đạo VPĐP;
- I-Desk;
- Lưu: VT (N-3b).

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

**Dương Tín Đức**

Bộ, tỉnh: Đắk Lắk  
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Nông nghiệp và PTNT  
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Văn phòng điều phối Chương trình  
MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk  
Mã đơn vị: 1114116  
Loại hình đơn vị: Quản lý nhà nước

Mẫu số 09a-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2023

| Stt | Tên tài sản                                | Đơn vị tính | Số lượng | Nhãn hiệu | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Giá mua/thuê (Nghìn đồng) | Hình thức mua sắm/thuê | Nhà cung cấp (người bán)          | Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) | Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có) |                                 | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------|-------------|----------|-----------|---------------|--------------|---------------------------|------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------|
|     |                                            |             |          |           |               |              |                           |                        |                                   |                                                                                            | Nộp NSNN (Nghìn đồng)                                            | Được để lại đơn vị (Nghìn đồng) |         |
| 1   | 2                                          | 3           | 4        | 5         | 6             | 7            | 8                         | 9                      | 10                                | 11                                                                                         | 12                                                               | 13                              | 14      |
| I   | Đầu tư xây dựng, mua sắm                   |             |          |           |               |              |                           |                        |                                   |                                                                                            |                                                                  |                                 |         |
| 1   | Trụ sở làm việc/ cơ sở hoạt động sự nghiệp |             |          |           |               |              |                           |                        |                                   |                                                                                            |                                                                  |                                 |         |
| 2   | Xe Ô tô                                    |             |          |           |               |              |                           |                        |                                   |                                                                                            |                                                                  |                                 |         |
| 3   | Tài sản cố định khác                       |             |          |           |               |              |                           |                        |                                   |                                                                                            |                                                                  |                                 |         |
|     | Bộ khóa cửa điện tử thông minh             | Bộ          | 01       | PHG LOCK  | Australia     | 2023         | 7.480                     | Mua sắm trực tiếp      | Công ty TNHH Smarthome Minh Phong | 0                                                                                          | 0                                                                | 0                               |         |

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Nga

Đắk Lắk, ngày 29 tháng 12 năm 2023  
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

Dương Tín Đức

Bộ, tỉnh: Đắk Lắk  
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Nông nghiệp và PTNT  
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Văn phòng điều phối Chương trình  
MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk  
Mã đơn vị: 1114116  
Loại hình đơn vị: Quản lý nhà nước

Mẫu số 09c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC  
NĂM 2023

| STT | Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức | Bộ phận sử dụng | Số lượng | Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng) |                 |            | Mục đích sử dụng |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
|-----|---------------------------------------------------------------|-----------------|----------|--------------------------------------------------------------|-----------------|------------|------------------|---------------------------------|------------------------|---------------------------|------------|----------|----------------------|--------------|
|     |                                                               |                 |          | Nguyên giá                                                   |                 |            | Giá trị còn lại  | Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn | Phục vụ công tác chung | Phục vụ hoạt động đặc thù | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng khác |
|     |                                                               |                 |          | Tổng cộng                                                    | Trong đó        |            |                  |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
|     |                                                               |                 |          |                                                              | Nguồn ngân sách | Nguồn khác |                  |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 1   | 2                                                             | 3               | 4        | 5                                                            | 6               | 7          | 8                | 9                               | 10                     | 11                        | 12         | 13       | 14                   | 15           |
| I   | Xe ô tô                                                       |                 | 1        | 349.295,926                                                  | 349.295,926     |            | 117.628,868      |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 1   | Xe ô tô con 7 ghế                                             | HCVN            | 1        | 349.295,926                                                  | 349.295,926     |            | 117.628,868      |                                 | X                      |                           |            |          |                      |              |
| II  | Tài sản cố định khác                                          |                 |          | 1.076.088,5                                                  | 1.076.088,5     |            | 487.197,8        |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 1   | Máy tính bảng Apple-Ipad mini2                                | Lưu tại đơn vị  | 1        | 14.770                                                       | 14.770          |            | 0                |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 2   | Máy quay phim SONY                                            | Lưu tại đơn vị  | 1        | 18.430                                                       | 18.430          |            | 0                |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 3   | Máy ảnh Canon EOS 700D                                        | Đơn vị          | 1        | 18.260                                                       | 18.260          |            | 0                |                                 | X                      |                           |            |          |                      |              |
| 4   | Máy tính xách tay (Laptop Dell 3147)                          | Đơn vị          | 1        | 14.550                                                       | 14.550          |            | 0                |                                 | X                      |                           |            |          |                      |              |
| 5   | Máy Photocopy                                                 | Đơn vị          | 1        | 44.700                                                       | 44.700          |            | 0                |                                 | X                      |                           |            |          |                      |              |

| STT | Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức | Bộ phận sử dụng    | Số lượng | Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng) |                 |            |                 | Mục đích sử dụng                |                        |                           |            |          |                      |              |
|-----|---------------------------------------------------------------|--------------------|----------|--------------------------------------------------------------|-----------------|------------|-----------------|---------------------------------|------------------------|---------------------------|------------|----------|----------------------|--------------|
|     |                                                               |                    |          | Nguyên giá                                                   |                 |            | Giá trị còn lại | Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn | Phục vụ công tác chung | Phục vụ hoạt động đặc thù | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng khác |
|     |                                                               |                    |          | Tổng cộng                                                    | Trong đó        |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
|     |                                                               |                    |          |                                                              | Nguồn ngân sách | Nguồn khác |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 6   | Máy chiếu và màn chiếu                                        | Đơn vị             | 1        | 33.100                                                       | 33.100          |            | 0               |                                 | X                      |                           |            |          |                      |              |
| 7   | Máy quét HP ScanJet Pro 3000S3                                | Đơn vị             | 1        | 12.590                                                       | 12.590          |            | 2.518           |                                 | X                      |                           |            |          |                      |              |
| 8   | Phần mềm kế toán MISA                                         | Đơn vị             | 1        | 14.000                                                       | 14.000          |            | 0               |                                 | X                      |                           |            |          |                      |              |
| 9   | Phần mềm kế toán IMAS                                         | Lưu tại đơn vị     | 1        | 7.000                                                        | 7.000           |            | 0               |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 10  | Trang thông tin điện tử (WEB SITE)                            | Đơn vị             | 1        | 96.960                                                       | 96.960          |            | 0               |                                 | X                      |                           |            |          |                      |              |
| 11  | Máy vi tính để bàn Dell Vostro 3268                           | Phòng HCNV         | 1        | 13.500                                                       | 13.500          |            | 0               | X                               |                        |                           |            |          |                      |              |
| 12  | Máy vi tính để bàn Dell Vostro 3268                           | Phòng KHTH         | 1        | 13.500                                                       | 13.500          |            | 0               | X                               |                        |                           |            |          |                      |              |
| 13  | Máy vi tính để bàn Dell Vostro 3671MTG5420                    | Phòng KHTH         | 1        | 12.995                                                       | 12.995          |            | 2.599           | X                               |                        |                           |            |          |                      |              |
| 14  | Máy điều hòa nhiệt độ                                         | Phòng Phó Chánh VP | 1        | 24.720                                                       | 24.720          |            | 0               | X                               |                        |                           |            |          |                      |              |
| 15  | Máy vi tính để bàn HP Pro 3330MT                              | Lưu tại đơn vị     | 1        | 13.500                                                       | 13.500          |            | 0               | X                               |                        |                           |            |          |                      |              |
| 16  | Máy vi tính để bàn HP Pro 3330MT D7K30PA                      | KHTH               | 1        | 11.850                                                       | 11.850          |            | 0               | X                               |                        |                           |            |          |                      |              |
| 17  | Máy vi tính để bàn HP Pro 3330MT D7K30PA                      | KHTH               | 1        | 11.850                                                       | 11.850          |            | 0               | X                               |                        |                           |            |          |                      |              |

| STT | Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức | Bộ phận sử dụng     | Số lượng | Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng) |            |                 | Mục đích sử dụng                |                        |                           |            |          |                      |              |           |
|-----|---------------------------------------------------------------|---------------------|----------|--------------------------------------------------------------|------------|-----------------|---------------------------------|------------------------|---------------------------|------------|----------|----------------------|--------------|-----------|
|     |                                                               |                     |          | Nguyên giá                                                   |            | Giá trị còn lại | Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn | Phục vụ công tác chung | Phục vụ hoạt động đặc thù | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng khác |           |
|     |                                                               |                     |          |                                                              |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              | Tổng cộng |
|     |                                                               |                     |          | Nguồn ngân sách                                              | Nguồn khác |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |           |
| 18  | Bộ máy vi tính để bàn 01                                      | Lưu tại đơn vị      | 1        | 13.950                                                       | 13.950     |                 | 0                               |                        |                           |            |          |                      |              |           |
| 19  | Bộ máy vi tính để bàn 03                                      | Lưu tại đơn vị      | 1        | 10.000                                                       | 10.000     |                 | 0                               |                        |                           |            |          |                      |              |           |
| 20  | Máy tính xách tay 02                                          | Lưu tại đơn vị      | 1        | 18.000                                                       | 18.000     |                 | 0                               |                        |                           |            |          |                      |              |           |
| 21  | Bộ máy vi tính để bàn Dell Vostro3888 i3                      | Phó Chánh Văn phòng | 1        | 13.500                                                       | 13.500     |                 | 5.400                           | X                      |                           |            |          |                      |              |           |
| 22  | Bộ máy vi tính để bàn Dell Vostro3888 i3                      | HCVN                | 1        | 13.500                                                       | 13.500     |                 | 5.400                           | X                      |                           |            |          |                      |              |           |
| 23  | Máy in Canon 226DW                                            | KHTH                | 1        | 9.000                                                        | 9.000      |                 | 3.600                           |                        | X                         |            |          |                      |              |           |
| 24  | Máy in Canon 226DW                                            | OCOP                | 1        | 9.000                                                        | 9.000      |                 | 3.600                           |                        | X                         |            |          |                      |              |           |
| 25  | Máy Photocopy Canon ir2625i                                   | HCVN                | 1        | 63.000                                                       | 63.000     |                 | 39.375                          |                        | X                         |            |          |                      |              |           |
| 26  | Máy lạnh LG Inverter 2HP                                      | OCOP                | 1        | 18.000                                                       | 18.000     |                 | 11.250                          |                        | X                         |            |          |                      |              |           |
| 27  | Tủ đông Sanaky VH4099W1                                       | OCOP                | 1        | 8.990                                                        | 8.990      |                 | 3.596                           |                        | X                         |            |          |                      |              |           |
| 28  | Bộ máy vi tính để bàn (HP Pro Desk400 G7 SFF, i3)             | KHTH                | 1        | 13.500                                                       | 13.500     |                 | 8.100                           | X                      |                           |            |          |                      |              |           |
| 29  | Bộ máy vi tính để bàn (HP Pro Desk400 G7 SFF, i3)             | HCVN                | 1        | 13.500                                                       | 13.500     |                 | 8.100                           | X                      |                           |            |          |                      |              |           |

| STT | Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức    | Bộ phận sử dụng           | Số lượng | Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng) |            |                 | Mục đích sử dụng                |                        |                           |            |          |                      |              |           |
|-----|------------------------------------------------------------------|---------------------------|----------|--------------------------------------------------------------|------------|-----------------|---------------------------------|------------------------|---------------------------|------------|----------|----------------------|--------------|-----------|
|     |                                                                  |                           |          | Nguyên giá                                                   |            | Giá trị còn lại | Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn | Phục vụ công tác chung | Phục vụ hoạt động đặc thù | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng khác |           |
|     |                                                                  |                           |          |                                                              |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              | Tổng cộng |
|     |                                                                  |                           |          | Nguồn ngân sách                                              | Nguồn khác |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |           |
| 30  | Máy in Canon LBP 226DW                                           | HCVN                      | 1        | 9.000                                                        | 9.000      |                 | 5.400                           |                        | X                         |            |          |                      |              |           |
| 31  | Máy in Canon LBP 226DW                                           | Phòng Phó Chánh Văn phòng | 1        | 9.000                                                        | 9.000      |                 | 5.400                           |                        | X                         |            |          |                      |              |           |
| 32  | Bộ khóa cửa điện tử thông minh                                   | Phòng Chánh Văn phòng     | 1        | 7.480                                                        | 7.480      |                 | 6.545                           |                        | X                         |            |          |                      |              |           |
| 33  | Phần mềm Hệ thống đánh giá, xếp hạng việc xây dựng nông thôn mới | Đơn vị                    | 1        | 470.393,5                                                    | 470.393,5  |                 | 376.314,8                       |                        | X                         |            |          |                      |              |           |

**NGƯỜI LẬP BIỂU**



**Nguyễn Thị Nga**

*Đắk Lắk, ngày 29 tháng 12 năm 2023*

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

**Dương Tín Đức**